TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 185/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 01 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 41/2024/HNST ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông Lê Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: A, Khu phố A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1985; địa chỉ: A, Khu phố A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai P và ông Lê Thanh T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 150/KH, Quyển số 01/2007, đăng ký ngày 11/06/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang); do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống, giữa bà P và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà P và ông T không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo được xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 7217KS, Quyển số III/2008 đăng ký ngày ngày 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang và Bản sao Giấy khai sinh số 74, Quyển số 01/2012 đăng ký ngày 02/08/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Nai; cùng lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị Mai P và ông Lê Thanh T; ông bà có 02 (hai) con chung là Lê Nguyễn Phi P1 (nữ), sinh ngày 12/11/2008 và Lê Trung T1 (nam), sinh ngày 27/06/2012.

Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận: Giao cho ông Lê Thanh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là trẻ Lê Trung T1, sinh ngày 27/06/2012; giao cho bà Nguyễn Thị Mai P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung là trẻ Lê Nguyễn Phi P1, sinh ngày 12/11/2008. Ghi nhận sự tự nguyện của ông, bà không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai P có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp có yêu cầu, các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai P xác nhận không có tài sản chung

[4] Về nợ chung: Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai P xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Mai P và Ông Lê Thanh T cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai P và ông Lê Thanh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 150/KH, Quyển số 01/2007, đăng ký ngày 11/06/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang).

1.2. Về con chung: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 7217KS, Quyển số III/2008 đăng ký ngày ngày 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang và Bản sao Giấy khai sinh số 74, Quyển số 01/2012 đăng ký ngày 02/08/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Nai; cùng lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị Mai P và ông Lê Thanh T; ông bà có 02 (hai) con chung là Lê Nguyễn Phi P1 (nữ), sinh ngày 12/11/2008 và Lê Trung T1 (nam), sinh ngày 27/06/2012.

Sau khi ly hôn; giao cho ông Lê Thanh Trung trực t chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lê Trung T1, sinh ngày 27/06/2012; giao cho bà Nguyễn Thị Mai P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Lê Nguyễn Phi P1, sinh ngày 12/11/2008. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T, bà P không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Mai P có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp có yêu cầu, các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0037888 ngày 11/01/02024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P và ông T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan nơi ĐKKH ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong